



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Địa chỉ trụ sở chính: 02 Phó Đức Chính - P. Lê Hồng Phong - Tp. Quy Nhơn - Bình Định  
Số đăng ký doanh nghiệp: 4100259405 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp  
ngày 08/01/2016.

Bình Định, ngày 19 tháng 3 năm 2021

### THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình chi tiết như sau:

- Thời gian đại hội: 8h00' thứ tư, ngày 14/4/2021
- Địa điểm đại hội: Hội trường Công ty, số 02 Phó Đức Chính, P. Lê Hồng Phong, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Nội dung đại hội: Tài liệu nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được công ty đăng tải site: <http://www.duongSATnghiabinh.vn> và gửi Quý cổ đông bản in khi tham dự đại hội.

Sự hiện diện của Quý cổ đông sẽ góp phần vào thành công của Đại hội.

Rất mong Quý cổ đông thu xếp thời gian đến dự Đại hội.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Linh

**\*Ghi chú:**

- Quý cổ đông sẽ chịu mọi chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian diễn ra Đại hội.
- Nếu có sự thay đổi về thời gian và nội dung các tài liệu Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021, Công ty sẽ thông báo trên Website của Công ty. Đề nghị Quý cổ đông thường xuyên truy cập để biết thông tin về Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.
- Đề nghị Quý cổ đông đến tham dự Đại hội mang theo thư mời và CMND; trường hợp Quý cổ đông không trực tiếp đến tham dự được, xin vui lòng ủy quyền cho người khác tham dự theo mẫu của công ty.
- Trường hợp Quý cổ đông không có người nhận ủy quyền để đi dự họp thì có thể ủy quyền cho :

Ông: Trần Văn Long

Chức vụ: Thư ký công ty- Phó phòng KH-VT

CMND Số: 211660402

ngày cấp: 04/07/2009

Nơi cấp: C.A. Bình Định

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**  
**Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình**

**Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình.**

Tên cổ đông:.....

CMND (hộ chiếu)/GP ĐKKD..... cấp ngày..... nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ trụ sở):.....

Số cổ phần sở hữu theo danh sách chốt cổ đông ngày 15/3/2021: ..... Cổ phiếu

**Tôi xác nhận: (Quý cổ đông đánh dấu (X) vào ô ở mục 1)**

1.  Đồng ý tham dự Đại hội

2. Hoặc ủy quyền cho ông (Bà): .....

CMND (hộ chiếu): ..... cấp ngày:..... nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số điện thoại: ..... Fax .....

**3. Nội dung ủy quyền:**

Đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình tổ chức vào ngày 14/4/2021 tại Bình Định và Người đại diện theo uỷ quyền được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

**4. Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền:**

- Người được ủy quyền có trách nhiệm chấp hành các quy định của Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác.

- Việc ủy quyền trên đảm bảo đúng quy định của pháp luật và của Công ty.

- Giấy uỷ quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

*Ghi chú: Để thuận lợi cho Quý cổ đông và công tác tổ chức kính đề nghị Quý cổ đông gửi giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông (ủy quyền cá nhân hoặc ủy quyền theo nhóm) bằng hình thức gửi thư hoặc fax về công ty trước 15<sup>h</sup> ngày 09/4/2021 theo địa chỉ :*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Địa chỉ: Số 02 Phố Đức Chính, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (0256) 3822077 Fax: (0256) 3817371

....., ngày.....tháng ..... năm 2021

**Người được ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Cổ đông Đăng ký**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021**  
**Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình**

**Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình.**

Hôm nay, ngày..... / ..... /2021, tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình có tên trong Danh sách được gửi kèm theo đây, cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (bà): .....

CMND số: .....Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số cổ phần sở hữu theo danh sách chốt cổ đông ngày 15/3/2021 là:.....Cổ phiếu

**1. Nội dung ủy quyền:**

Đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình tổ chức vào ngày 14/4/2021 tại Bình Định và Người đại diện theo uỷ quyền được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

**2. Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền:**

- Người được ủy quyền có trách nhiệm chấp hành các quy định của Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác.
- Việc ủy quyền trên đảm bảo đúng quy định của pháp luật và của Công ty.
- Giấy uỷ quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

*Ghi chú: Để thuận lợi cho Quý cổ đông và công tác tổ chức kính đề nghị Quý cổ đông gửi giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông(ủy quyền cá nhân hoặc ủy quyền theo nhóm) bằng hình thức gửi thư hoặc fax gửi về trước 15<sup>h</sup> ngày 09/4/2021 theo địa chỉ :*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Địa chỉ: Số 02 Phó Đức Chính, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (0256) 3822077 Fax: (0256) 3817371

**Người được ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng ..... năm 2021  
**Đại diện Cổ đông**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN THEO NHÓM  
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

STT	Họ tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
<b>Tổng cộng</b>					





CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2021

## CHƯƠNG TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

(Vào lúc 8<sup>h</sup>00 ngày 14 tháng 4 năm 2021)

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
8h00 - 8h15	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
	- Kiểm tra tư cách cổ đông	
	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	
8h15 - 8h25	- Khai mạc Đại hội, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
	- Giới thiệu Chủ tọa lên làm việc	
8h25 - 8h40	- Bầu Ban kiểm phiếu.	Chủ tọa
	- Giới thiệu Thư ký Đại hội	Chủ tọa
	- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội	Chủ tọa
	- Thông qua nội dung Chương trình Đại hội	Chủ tọa
8h40 - 8h50	Báo cáo của HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2021	HĐQT
8h50 - 9h00	Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT	HĐQT
9h00 - 9h10	Báo cáo kết quả kiểm toán, báo cáo tài chính năm 2020	Kế toán trưởng
9h10 - 9h20	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.	Trưởng ban Kiểm soát
9h20 - 9h40	Thông qua sửa đổi Điều lệ	HĐQT
	Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	
9h40 - 9h50	Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông.	Chủ tọa
9h50 - 10h05	Phát biểu của khách mời	Chủ tọa
10h05-10h40	Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	Chủ tọa
10h40 - 10h55	Đại hội thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông.	Chủ tọa
10h55 - 11h05	Cổ đông biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông.	Chủ tọa
11h05 - 11h20	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.	Chủ tọa và Thư ký
	- Cổ đông biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội.	
11h20 - 11h30	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa

Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

Số: *28* /TTr-ĐSNB

Bình Định, ngày *15* tháng 3 năm 2021

## TỜ TRÌNH

Về nội dung xin ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

- Căn cứ vào số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

**I. Nội dung 1: Thông qua các báo cáo: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, báo cáo của Hội đồng quản trị và báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020 với những chỉ tiêu chính sau:

Doanh thu và thu nhập khác: 180,276 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế TNDN: 4,657 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN: 3,977 tỷ đồng

**II. Nội dung 2: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.**

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay và dự báo tình hình thị trường trong năm 2021. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2021 như sau:

Doanh thu: 195,940 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN: 3,980 tỷ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH: 19,62%

Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 1

Tỷ lệ chi trả cổ tức: 12,2% trở lên trên vốn góp

### III. Nội dung 3: Kế hoạch chi trả lương và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021.

TT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao đ/người/tháng	Mức lương đ/người/tháng	Tổng số tiền
1	Chủ tịch HĐQT	1	12		33.700.000	404.400.000
2	Thành viên HĐQT	2	12	2.000.000		48.000.000
3	Trưởng ban kiểm soát	1	12		23.400.000	280.800.000
4	Thành viên Ban KS	2	12	1.500.000		36.000.000
<b>Cộng</b>						<b>769.200.000</b>

### IV. Nội dung 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020.

- Căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

- Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2020.

- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán, tổng lợi nhuận sau thuế là 3.977.531.763 đồng Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, cụ thể như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế : 3.977.531.763 đồng

- Trích các quỹ:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: 550.000.000 đồng

+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành: 267.000.000 đồng

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 957.211.763 đồng

2. Chi trả cổ tức 12,2% trên vốn góp, chi trả cổ tức bằng tiền mặt. Thời điểm chi trả đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy nhiệm cho Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng pháp luật với số tiền: 2.203.320.000 đồng.



## **V. Nội dung 5: Hủy tư cách công ty đại chúng Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.**

Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình là công ty đại chúng theo sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước tại văn bản số:1690/UBCKGSĐS ngày 07/4/2016, ngày 19/6/2016 giao dịch đầu tiên cổ phiếu trên thị trường UPCoM tại sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 tại khoản 1 Điều 32 quy định điều kiện để trở thành công ty đại chúng:

- Vốn Điều lệ 30 tỷ đồng trở lên;
- Thực hiện chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng thông qua đăng ký với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Căn cứ vào điều kiện trên thì hiện nay Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình không đủ điều kiện để là công ty đại chúng.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 135 Luật Chứng khoán thì đối với công ty đại chúng có cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trước ngày Luật này có hiệu lực thì hành mà vẫn đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thì hành thì không bị hủy tư cách công ty đại chúng, không bị hủy niêm yết, đăng ký giao dịch, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác thì Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình đủ điều kiện vẫn là công ty đại chúng.

Với 5 năm là công ty đại chúng và giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCoM thì Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình thấy cũng chưa có hiệu quả vì cổ đông của Công ty đại bộ phận là công nhân trực tiếp sản xuất nên việc giao dịch trên sàn UPCoM rất hạn chế, vốn điều lệ công ty nhỏ ít nhà đầu tư quan tâm, phải chi phí cho các lần giao dịch, .....

Để tạo điều kiện cho cổ đông giao dịch thuận lợi hơn cũng như giảm các chi phí và các thủ tục không cần thiết khi công ty là công ty đại chúng và giao dịch trên thị trường UPCoM.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua hủy tư cách công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

## **VI. Nội dung 6: Chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.**

Để chuẩn bị cho việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 là đơn vị kiểm toán độc



lập trong danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán năm 2021 của Bộ Tài chính.

### VII. Nội dung 7: Ủy quyền thông qua việc ký kết hợp đồng.

Để thuận lợi trong việc điều hành sản xuất kinh doanh trong năm, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty đối với cổ đông là tổ chức Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.



Nguyễn Thái Linh



Số: 27/BC-ĐSNB

Bình Định, ngày 19 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính thưa: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Với tinh thần đoàn kết và nhất trí cao của các thành viên, trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình đã hoàn thành các nhiệm vụ mà Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng đã phát huy năng lực, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác quản trị, điều hành hoạt động SXKD của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả công tác quản trị điều hành năm 2020 và kế hoạch công tác năm 2021, như sau:

**I. TÌNH HÌNH CHUNG:**

Hoạt động SXKD của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình năm 2020 nhìn chung ổn định, phát triển có hiệu quả, chất lượng sản phẩm được duy trì. Doanh thu, lợi nhuận đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đã đề ra.

**1. Thuận lợi:**

Đề có được kết quả trên là nhờ có sự đoàn kết nhất trí, sự cố gắng, quyết tâm của toàn thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành, CBCNV trong toàn Công ty và có được sự hỗ trợ tin cậy của đối tác và quý cổ đông nhất là cổ đông lớn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty cũng đã quan tâm chỉ đạo sát sao, các thành viên thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, bám sát tình hình sản xuất, đưa ra các quyết định kịp thời trong các mặt hoạt động của Công ty, trong đó chú trọng công tác nâng cao công nghệ, tiết giảm chi phí, gia tăng lợi nhuận trong hoạt động SXKD.

**2. Khó khăn:**

Năm 2020 là một năm đầy thách thức và khó khăn đối với Công ty. Đại dịch bệnh



Covid -19 làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty nhất là trong đợt giãn cách xã hội; những tháng đầu năm 2020 Công ty gặp rất nhiều khó khăn về vốn sản xuất kinh doanh khi chưa ký được hợp đồng Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt nên phải đi vay tiền để trả lương cho người lao động. Thời tiết khắc nghiệt liên tục xảy ra bão lũ khu vực miền trung.

Công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt diễn biến phức tạp nhất là các vị trí đường ngang biển báo, lối đi tự mở và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Mặc dù vậy tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người lao động của Công ty thực sự đoàn kết nhất trí, ý thức trách nhiệm cao đưa Công ty vượt qua khó khăn để sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

### 1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

Trong năm 2020, các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. Thay mặt cổ đông, Hội đồng quản trị quản lý Công ty hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Hội đồng quản trị quản lý Công ty bằng biện pháp ban hành các Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết, hàng quý hoặc đột xuất Hội đồng quản trị họp với bộ máy điều hành để kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong SXKD; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác.

- Hội đồng quản trị phối hợp và hỗ trợ Ban điều hành giải quyết những vướng mắc với các đối tác trong công tác thanh toán, công tác kinh tế, đầu tư và tìm kiếm việc làm. Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Ban điều hành để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để xem xét quyết định các

vấn đề quản lý của Công ty theo thẩm quyền Hội đồng quản trị.

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Các nghị quyết và quyết định Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của 3/3 thành viên Hội đồng quản trị.

- Nội dung các phiên họp như sau:

+ Phiên họp ngày 12/01/2020: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

+ Phiên họp ngày 21/4/2020: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I/2020 và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2020 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

+ Phiên họp ngày 20/7/2020: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2020 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

+ Phiên họp ngày 12/10/2020: Đánh giá kết quả SXKD Quý III/2020, và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV/2020 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

- Các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2020 gồm: 203 văn bản, trong đó:

+ Số lượng Nghị quyết ban hành: 12 Nghị quyết

+ Số lượng quyết định ban hành: 107 Quyết định.

+ Số lượng văn bản khác: 84 Văn bản

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành các quy chế quản lý bao gồm:

Quyết định số 132/QĐ-ĐSNB ngày 23/9/2020 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

Quyết định số 159/QĐ-ĐSNB ngày 11/11/2020 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.



## **2. Công tác nhân sự:**

- Công tác nhân sự được kiện toàn, mô hình tổ chức dần ổn định theo đúng định hướng chiến lược. Hội đồng quản trị luôn chú trọng tới việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng chính sách đãi ngộ, phúc lợi, xây dựng quy trình bồi dưỡng nguồn nội bộ.

- Triển khai thực hiện kiện toàn, tinh giản bộ máy tổ chức, nhân sự từ cơ quan đến các đơn vị trực thuộc. Trong năm Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt thực hiện trả lương đối với bộ phận gián tiếp các phòng nghiệp vụ cơ quan, theo vị trí, chức danh công việc. Theo đó Công ty định biên mức lương riêng biệt cho trưởng phòng, phó phòng và nhân viên, đối với nhân viên được tách thành 03 nhóm khác nhau, nhằm khuyến khích người lao động hoàn thành nhiệm vụ với chất lượng và hiệu quả cao.

## **3. Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý của Công ty:**

- Trong năm qua Hội đồng quản trị đã thực hiện tích cực vai trò, chức năng quản trị điều hành theo cam kết với Đại hội đồng cổ đông. Đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ SXKD của Công ty.

- Chỉ đạo, giám sát đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công các công trình do Công ty đảm nhận theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Đề án số 123/ĐA-ĐSNB ngày 15/10/2018 về mô hình sản xuất bóc tách công tác duy tu bảo trì và công tác quản lý an toàn các đội cầu đường thuộc Công ty.

- Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

- Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, các đơn vị trực thuộc và có những chỉ đạo



kip thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

#### 4. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

##### 4.1. Về thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình thực hiện tốt các nhiệm vụ kế hoạch SXKD, kết thúc năm 2020, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập của người lao động và nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông đúng với kế hoạch được thông qua, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH so với KH (%)
1	Tổng sản lượng	Tỷ đồng	186,59	197,37	105,8
2	Doanh thu, thu nhập khác	Tỷ đồng	170,425	180,276	105,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,966	4,657	93,8
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,973	3,977	100,11
5	Thu nhập bình quân	Tr. Đồng	10,825	11,012	101,73
6	Tỷ suất lợi nhuận /VĐL	%	22,0	22,02	100,11
7	Chia cổ tức 12,2% trên vốn góp	Tỷ đồng	2,203	2,203	100

4.2. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội, địa chỉ P408 tòa nhà 17T1, Đường Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp Hà Nội là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình. Đây là đơn vị kiểm toán nằm trong danh sách những đơn vị kiểm toán độc lập được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức giao dịch trên thị trường chứng khoán.

##### 4.3. Chi tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020.

- Hội đồng quản trị đã phê duyệt dự toán Tổng mức lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông là:



727.800.000 đồng và được quyết toán tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 là: 727.800.000 đồng, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao đ/người/tháng	Mức lương đ/người/tháng	Tổng số tiền
1	Chủ tịch HĐQT	1	12		31.650.000	379.800.000
2	Thành viên HĐQT	2	12	2.000.000		48.000.000
3	Trưởng ban kiểm soát	1	12		22.000.000	264.000.000
4	Thành viên Ban KS	2	12	1.500.000		36.000.000
	<b>Cộng</b>					<b>727.800.000</b>

### III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Xác định năm 2021 sẽ là một năm còn nhiều khó khăn đối với hoạt động SXKD của Công ty vì vậy, Hội đồng quản trị quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2021, đặc biệt quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông. Hội đồng quản trị xác định một số nhiệm vụ trọng tâm của của công tác quản trị trong năm 2021 như sau:

1. Năm 2021, Hội đồng quản trị tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, tăng cường năng lực quản trị, đề ra các giải pháp nhằm chỉ đạo và điều hành công tác SXKD của Công ty, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch SXKD của năm 2021 với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng sản lượng	Tỷ đồng	215,204
2	Doanh thu	Tỷ đồng	195,940
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,980
4	Phân phối lợi nhuận (dự kiến)		
+	Chia cổ tức 12,2% trên vốn góp	Tr. Đồng	2.203,320
+	Trích quỹ đầu tư phát triển	Tr. Đồng	437,8
+	Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	Tr. Đồng	295,5
+	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr. Đồng	1.043,380
6	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	20,283
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	18,060
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	19,62
9	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/ng/tháng	11,800
10	Số lao động bình quân	Người	581
11	Công tác đầu tư tại công ty năm 2021: Toa xe gắn cầu phục vụ xếp dỡ, vận chuyển vật tư, phụ kiện đường sắt	Toa	01

2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý Công ty, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, kiện toàn cơ cấu tổ chức, củng cố, sắp xếp mô hình quản lý, phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty trong thời gian tới để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất.

3. Phối hợp cùng Ban Kiểm soát Công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính, đảm bảo dòng tiền lành mạnh và bảo toàn vốn, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.



4. Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt công tác SXKD năm 2021 nhằm phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra, trong đó đặc biệt đẩy nhanh tiến độ, chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tài trọng và phải đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu của hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

#### IV. THAY LỜI KẾT:

Năm 2020, Công ty hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước; quyền lợi của cổ đông được đảm bảo; Thực hiện tốt công tác trả lương và các chế độ cho người lao động, thu nhập và đời sống của người lao động được nâng lên.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty có được là do sự tin cậy và ủng hộ mạnh mẽ của đối tác, quý cổ đông và tập thể CBCNV Công ty. Hội đồng quản trị cam kết sẽ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời sát sao và đồng hành cùng với ban điều hành Công ty với quyết tâm cao nhất và nỗ lực hơn nữa hoàn thành, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, góp ý và đồng hành của đối tác, Quý cổ đông để Công ty hoàn thành nhiệm vụ. Tôi xin thay mặt Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình gửi lời cảm ơn sâu sắc đến đối tác kinh doanh, Quý cổ đông và toàn thể CBCNV Công ty.

Kính thưa quý cổ đông trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2021. Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét và đóng góp ý kiến để Hội đồng quản trị không ngừng nâng cao trách nhiệm quản trị, năng lực quản lý điều hành Công ty nhằm thực hiện tốt Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, góp phần xây dựng Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình ngày càng lớn mạnh và phát triển bền vững./.

Kính trình đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng cảm ơn!



Nguyễn Thái Linh



Số: *26* /BC-ĐSNB

Bình Định, ngày *19* tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**  
**VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Tôi xin phép báo cáo quý vị cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

**PHẦN THỨ NHẤT:**

**BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2020**

**I. Tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020:**

**1. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2020:**

Năm 2020, Công ty đã bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đặt ra, kết quả thực hiện khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, cụ thể như sau:

1.1. Công tác xây dựng chiến lược kinh doanh, sắp xếp mô hình tổ chức doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị Công ty:

- Tiếp tục triển khai sắp xếp lại mô hình tổ chức của Công ty theo đúng mô hình sản xuất mới, nâng cao năng lực quản trị, tăng cường chức năng quản lý, quản trị Công ty.

- Đã sửa đổi ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với mô hình tổ chức và các quy định của Pháp luật.

1.2. Tập trung vào điều hành thi công công trình Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt và các công trình cải tạo, nâng cấp đường sắt thuộc dự án 7.000 tỷ:

Năm 2020, Công ty ký hợp đồng đảm nhận thi công Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt từ Km 903+000-:-1096+200 tuyến đường sắt thống nhất Hà Nội - TP Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt Diêu Trì - Quy Nhơn và đã tham gia đấu thầu thi công gói thầu số 15 thuộc dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu từ Km 1419+100 đến Km 1436+750 tại tỉnh Ninh Thuận và thầu phụ cho gói thầu số 10 thi công cải tạo, nâng cấp nền đường, kiến trúc tầng trên một số đoạn tuyến; Cải tiến cải tuyến một đoạn đường cong tại Km 1040+286 thuộc các tỉnh Quảng Nam, Bình Định.

Các công trình cải tạo, nâng cấp đường sắt thuộc dự án 7.000 tỷ đều đảm bảo các mục tiêu như: tiến độ, chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.

#### 1.3. Công tác nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn lao động:

Trong năm 2020, Công ty đã tiếp tục sử dụng thực hiện một số ứng dụng phần mềm quản lý điều hành, duy trì họp giao ban và triển khai các Nghị quyết qua hệ thống trực tuyến đối với các đơn vị trực thuộc, một số sáng kiến, cải tiến hợp lý hóa sản xuất đã áp dụng vào sản xuất.

Công tác an toàn lao động: Trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động, kiểm soát cảnh báo an toàn thường xuyên trên tất cả các đơn vị của Công ty.

#### 1.4. Công tác tổ chức - quản trị nguồn nhân lực:

Công ty đã triển khai thực hiện tốt đề án (Đề án 123/ĐA-ĐSNB ngày 15/10/2018) sắp xếp tách công tác duy tu bảo trì và quản lý an toàn ở các đội cầu đường. Đề án đã mang lại hiệu quả cao, nhất là trong năm 2020 công ty tham gia các công trình thuộc dự án 7000 tỷ: Tuy đảm nhận thi công trình ở xa nhưng đảm bảo được tiến độ, chất lượng thi công công trình vừa đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện công tác Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.

- Thực hiện quản trị nhân lực từ Công ty đến các chi nhánh trực thuộc giúp bộ máy lãnh đạo Công ty cập nhật kịp thời các biến động về lao động từ đó có sự chỉ đạo kịp thời trong công tác điều hành sản xuất.

#### 1.5. Công tác thu hồi vốn:

Công ty bám sát các Chủ đầu tư để giải quyết các vướng mắc đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình đã và đang thi công, bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD. Tuy nhiên, một số công trình còn vướng mắc về cơ chế thanh toán với chủ đầu tư nên chưa giải quyết dứt điểm dẫn đến dở dang, công nợ chưa thanh toán.

#### 1.6. Công tác kiểm tra kiểm soát:

- Kiểm toán soát xét báo cáo tài chính định kỳ, thực hiện công bố thông tin theo quy định.

- Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các chi nhánh, đơn vị trực thuộc.

- Ban hành các quy chế phân cấp quản lý, định mức nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và các Quy định hiện hành.



- Năm 2020, Công ty đã được thẩm định nguồn vốn kinh tế sự nghiệp năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Qua thẩm định, kiểm tra được đánh giá là đơn vị thực hiện khá tốt các quy định của pháp luật trong công tác sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế.

## 2. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH so với KH (%)
1	Tổng sản lượng	Tỷ đồng	186,59	197,37	105,8
2	Doanh thu	Tỷ đồng	170,425	180,276	105,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,966	4,657	93,8
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,973	3,977	100,11
5	Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu	%	19,69	19,71	100,10
6	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%	22,0	22,02	100,11
7	Chia cổ tức 12,2% trên vốn góp	Tỷ đồng	2,203	2,203	100
8	Thu nhập bình quân	Tr. Đồng	10,825	11,012	101,73

## 3. Đánh giá công tác quản lý của Công ty:

3.1. Công tác quản lý vốn và tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ sản phẩm công trình xây dựng, quản lý đầu tư, quản lý lao động... theo đúng các quy định của Pháp luật Nhà nước, Quy định của Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

- Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty. Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc. Đảm bảo sự điều hành không chồng chéo, các quy định ban hành phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.

- Công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo quản lý tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Các văn bản Quy chế quản lý nội bộ Công ty đã được ban hành cho phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản lý SXKD.



- Kết quả đạt được trong năm 2020, Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, SXKD đạt hiệu quả kinh tế, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, quyền lợi của cổ đông được đảm bảo.

### 3.2. Về công tác tiền lương:

- Công ty xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương và thực hiện tốt công tác trả lương và các chế độ cho người lao động. Đối với bộ phận gián tiếp các phòng nghiệp vụ cơ quan, Công ty trả lương theo vị trí, chức danh công việc, không phân phối bình quân. Theo đó Công ty định biên mức lương riêng biệt cho trưởng phòng, phó phòng và nhân viên, đối với nhân viên được tách thành 03 nhóm khác nhau, nhằm khuyến khích người lao động hoàn thành nhiệm vụ với chất lượng và hiệu quả cao.

- Thu nhập bình quân của người lao động đạt 11,012 triệu đồng/người/tháng tăng so với năm 2019 là 8,85%, đời sống của người lao động được nâng lên.

### 3.3. Công tác tiếp thị đấu thầu:

Trong năm 2020, Công ty đã chủ động trong công tác tiếp thị đấu thầu các dự án, chủ động tham gia đấu thầu một số gói thầu, dự án phù hợp với năng lực của Công ty để tìm kiếm việc làm cho CBCNV.

### 3.4. Công tác tài chính:

Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền phê duyệt lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

- Năm 2020, Công ty hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; Vốn chủ sở hữu được bảo toàn; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước; quyền lợi của cổ đông được đảm bảo; Thực hiện tốt công tác trả lương và các chế độ cho người lao động, thu nhập và đời sống của người lao động được nâng lên.

- Công tác tài chính kế toán thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình quản lý tài chính, tình hình tài chính được nâng lên Cân đối tài chính đảm bảo, đáp ứng đủ nguồn vốn phục vụ SXKD và nguồn vốn đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2020.

- Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Luật Chứng khoán.

## PHẦN THỨ HAI:

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

#### I. Kế hoạch SXKD năm 2021:

*1. Các chỉ tiêu kinh tế chính. Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch SXKD năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông như sau:*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng sản lượng	Tỷ đồng	215,204
2	Doanh thu	Tỷ đồng	195,940
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,980
4	Phân phối lợi nhuận (dự kiến)		
+	Cổ tức 12,2% trên vốn góp	Tr. Đồng	2.203,320
+	Quỹ đầu tư phát triển	Tr. Đồng	437,8
+	Quỹ khen thưởng ban điều hành	Tr. Đồng	295,5
+	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr. Đồng	1.043,380
6	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	20,283
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	18,060
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	19,62
9	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/ng/tháng	11,8
10	Số lao động bình quân	Người	581

## 2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2021:

Trên cơ sở nhận định những thuận lợi và khó khăn trong năm 2021 ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, đồng thời xác định yếu tố nội lực về tài chính, nguồn nhân lực của Công ty cũng như xét đến các công việc mà Công ty triển khai thi công trong năm 2021. Hội đồng quản trị xác định nhiệm vụ trong năm 2021, cụ thể:

- Tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động SXKD.

- Đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình, đặc biệt phải đạt được mục tiêu tiến độ, chất lượng công trình quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.



- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo kế hoạch SXKD năm 2021 và các năm tiếp theo.

- Tiếp thị đấu thầu tìm kiếm thêm nguồn việc, bổ sung giá trị sản lượng. Tăng cường tiếp thị đấu thầu lĩnh vực xây dựng cơ bản, dịch vụ nhà hàng.

- Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác thanh quyết toán với Chủ đầu tư đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, thanh quyết toán dứt điểm các công trình đã thi công hoàn thành những năm trước.

- Nghiên cứu và áp dụng các công nghệ thi công mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động. Tiếp tục xây dựng các biện pháp, giải pháp để quản lý chi phí trực tiếp, tiết kiệm chi phí giá thành sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện kịp thời chi trả tiền lương và chế độ cho người lao động. Đảm bảo mức trả cổ tức cho các cổ đông.

Kính thưa quý cổ đông trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Kính mong quý cổ đông đóng góp ý kiến để xây dựng Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình ngày càng phát triển bền vững.

Kính trình đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng cảm ơn!



Nguyễn Thái Linh



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**Kính thưa: Quý cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được Hội đồng quản trị thông qua ngày 15/6/2016;

Căn cứ báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Hà Nội;

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về kết quả hoạt động kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 với các nội dung sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020**

**1. Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:**

- |                         |                            |
|-------------------------|----------------------------|
| - Bà: Lưu Thị Minh Hằng | - Trưởng Ban kiểm soát     |
| - Ông: Phan Minh Trung  | - Thành viên Ban kiểm soát |
| - Ông: Bạch Khôi Tinh   | - Thành viên Ban kiểm soát |

**2. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2020, hoạt động của Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã lập:

- Xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên để triển khai kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của công ty.

- Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Kiểm soát báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng



kinh tế của công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự họp đầy đủ các cuộc họp HĐQT, Ban giám đốc. Kiểm tra các văn bản ban hành trong quá trình quản trị công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ phòng ban trong công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao. Đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động Công ty cũng như về điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Nhìn chung, Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của Công ty.

### **3. Thù lao, chi phí hoạt động và cá lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Thành viên ban kiểm soát**

Thực hiện theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, thù lao của Ban kiểm soát được chi trả như sau:

- Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát: 22.000.000 đồng/tháng
- Thù lao Thành viên Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/ tháng

### **4. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện 04 phiên họp vào thời điểm đầu mỗi quý để tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính của quý trước và triển khai kế hoạch công việc trong quý.

Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên Ban kiểm soát thông qua 100%.

## **II. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT NĂM 2020**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:**

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH so với KH (%)
1	Tổng sản lượng	Tỷ đồng	186,590	197,370	105,8
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	170,425	180,276	105,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,966	4,657	93,8
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,973	3,977	100,11
5	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu	%	19,69	19,71	100,1
6	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	%	22,00	22,02	100,11
7	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	10,825	11,012	101,73

## 2. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. Công ty thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Hà Nội thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

- Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

## 3. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020.

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt, xem xét các hồ sơ kiểm kê tài sản công nợ đến thời điểm 31/12/2020. Sau khi xem xét, thẩm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Năm 2020, Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành. Tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán



thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

- Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt. Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh đầy đủ tình hình tài chính của Công ty trong năm 2020.

- Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty lập. Ban kiểm soát xác định các số liệu tài chính được đưa ra trong báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

- Tình hình tài chính năm 2020 của Công ty là lành mạnh:

Nội dung	Số cuối năm 2020	Số đầu năm 2020
A. Tài sản ngắn hạn	83.918.042.589	58.056.829.973
B. Tài sản dài hạn	15.042.683.307	14.710.912.547
<b>Tổng tài sản</b>	<b>98.960.725.896</b>	<b>72.767.742.520</b>
C. Nợ phải trả	74.699.736.133	49.253.223.650
D. Vốn chủ sở hữu	24.260.989.763	23.514.518.870
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>98.960.725.896</b>	<b>72.767.742.520</b>

Công ty thực đã thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác sản xuất kinh doanh; đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo đúng quy định. Tính đến thời điểm 31/12/2020, các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của Công ty. Vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

+ Tổng tài sản năm nay tăng so với năm trước là: 26,192 tỷ đồng (tăng 36%)

+ Chỉ số Nợ phải trả/tổng tài sản: 75,48%. Hệ số nợ vẫn trong vùng khá an toàn.

+ Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/Nợ phải trả ngắn hạn là 1,12 lần. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành 1,12 cho thấy Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.

+ Các khoản nợ của Công ty đã được rà soát tổng thể, thực hiện việc trích lập dự phòng và lên kế hoạch xử lý trong giai đoạn tiếp theo nhằm thu hồi dần và tất toán các khoản nợ khó đòi.

- Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán.

#### **4. Công tác giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty**

Trong năm 2020, công tác quản lý và điều hành Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

- Các phiên họp của Hội đồng quản trị đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Các cuộc họp Hội đồng quản trị có số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định. Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý và đột xuất để giải quyết việc cấp bách đáp ứng yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng với chức năng và quyền hạn, đều thể hiện định hướng chiến lược phát triển, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ công ty.

- Nghị quyết Hội đồng quản trị được Ban giám đốc công ty tổ chức triển khai cụ thể đối với từng phòng ban công ty, đồng thời được tiến hành kiểm tra, giám sát do vậy mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện luôn được tháo gỡ và giải quyết kịp thời có hiệu quả.

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào và không xảy ra thiếu sót hay tổn thất nào trong công tác quản lý điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

#### **5. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:**

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, quyết định cho Ban kiểm soát; Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời đại diện Ban kiểm soát tham dự. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định Điều lệ Công ty.



### III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021. Ban kiểm soát đề ra kế hoạch năm 2021 như sau:

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện việc kiểm tra giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.
- Thẩm định báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm của Công ty. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn của Công ty. Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, giám sát việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

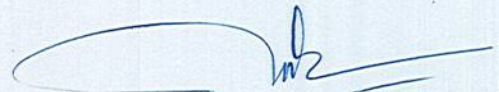
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- HĐQT, BGD;
- Lưu TKCT, BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Lưu Thị Minh Hằng**



Số: 24/QC-ĐSNB

Bình Định, ngày 19 tháng 3 năm 2021

**QUY CHẾ**  
**LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng:**

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được áp dụng cho tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

**Điều 2. Thành phần tham dự Đại hội cổ đông:**

- Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Khách mời (nếu có).

**Điều 3. Chủ tọa, quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tọa:**

- Chủ tọa Đại hội cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tọa:
  - + Thông qua nội dung chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội;
  - + Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình Đại hội đã thông qua;
  - + Hướng dẫn cổ đông thảo luận theo chương trình, nội dung của Đại hội;
  - + Trả lời các ý kiến của cổ đông;
  - + Hướng dẫn cổ đông biểu quyết;
  - + Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

**Điều 4. Thư ký Đại hội:**

- Thư ký do Chủ tọa Đại hội cử: số lượng 02 người;
- Nhiệm vụ của Thư ký:
  - + Ghi biên bản Đại hội;



- + Dự thảo Nghị quyết Đại hội;
- + Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông;
- + Báo cáo dự thảo Nghị quyết Đại hội;
- + Các nhiệm vụ khác do Chủ tọa phân công.

**Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông):**

- Phát biểu, tham gia ý kiến trong Đại hội;
- Thực hiện quyền biểu quyết các vấn đề Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chấp hành Quy chế làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa.

**Điều 6. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:**

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị Công ty thành lập theo Quyết định số 19/QĐ-ĐSNB, ngày 25/02/2021, để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của Pháp luật và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp.

- Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết.

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức tiến hành.

**Điều 7. Quy trình phát biểu ý kiến trong Đại hội:**

Cổ đông đăng ký phát biểu qua Ban Thư ký hoặc gởi phiếu biểu quyết xin phát biểu ý kiến và được phát biểu khi Chủ tọa giới thiệu. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, có trọng tâm các vấn đề Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, tránh trùng lặp.

**Điều 8. Ban Kiểm phiếu, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:**

Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua số lượng và nhân sự theo đề nghị của Chủ tọa:

- Số lượng Ban kiểm phiếu: 03 người gồm 01 trưởng Ban và 02 thành viên;

- Ban kiểm phiếu làm việc độc lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu;

- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu: Hướng dẫn cổ đông biểu quyết, thu phiếu biểu quyết của cổ đông, kiểm phiếu biểu quyết và lập biên bản kiểm phiếu;

- Báo cáo kết quả kiểm phiếu với Đại hội.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, các biên bản kiểm phiếu cho Hội đồng quản trị Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

#### **Điều 9. Cách thức biểu quyết:**

- Cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông) được Ban tổ chức phát thẻ biểu quyết; Số quyền biểu quyết của cổ đông đối với mỗi vấn đề cần biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền (nếu có).

- Thẻ biểu quyết gồm: 01 thẻ biểu quyết màu hồng;

- Thẻ biểu quyết (màu hồng) bao gồm các nội dung: Mã số cổ đông; số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu /hoặc ủy quyền).

- Cổ đông dùng thẻ biểu quyết thông qua nội dung, chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu, biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội; Cổ đông dùng thẻ biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo Quy chế bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát.

- Thẻ biểu quyết phải được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông ký và ghi rõ họ tên;

- Thẻ biểu quyết hợp lệ: Là thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát ra, để biểu quyết tất cả các vấn đề cần thông qua Đại hội đồng cổ đông và có chữ ký của cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông).

- Thẻ biểu quyết không hợp lệ: Là thẻ biểu quyết không do Ban tổ chức Đại hội phát ra, không có chữ ký của cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông).

#### **Điều 10. Thông qua quyết định của Đại hội:**

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:

Thay đổi ngành nghề, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại, dự án đầu tư lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, tổ chức lại, giải thể công ty.

- Các Nghị quyết khác của Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tán thành (trừ bầu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát).

#### **Điều 11. Biên bản Đại hội:**

- Nội dung Đại hội được lập thành biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính



chính xác, trung thực của nội dung biên bản Đại hội.

- Biên bản Đại hội phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội;
- Biên bản Đại hội, biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.
- Biên bản Đại hội phải được gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc hoặc công bố trên website của Công ty.

**Điều 12. Nghị quyết Đại hội:**

Nghị quyết của Đại hội được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, được gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc và công bố trên website của Công ty sau 24<sup>h</sup>00 .

**Điều 13. Hiệu lực thi hành của Quy chế:**

- Quy chế này gồm mười ba (13) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;
- Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.



Nguyễn Thái Linh



Số: 29 /QC-ĐSNB

Bình Định, ngày 19 tháng 3 năm 2021

**QUY CHẾ BẦU CỬ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được tiến hành theo những quy định sau đây:

**Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử:**

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/3/2021) có mặt tại thời điểm biểu quyết đã hoàn thành thủ tục đăng ký và ký tên trong danh sách cổ đông dự họp đều có quyền tham gia bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát.

**Điều 2. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát được bầu:**

1. Thành viên Hội đồng quản trị : 03 thành viên (trương ứng với số thành viên hết nhiệm kỳ: 03 thành viên)
2. Thành viên Ban Kiểm soát : 03 Thành viên (trương ứng với số thành viên hết nhiệm kỳ: 03 thành viên)

**Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát:**

1. Tiêu chuẩn và điều kiện bầu Thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên được đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a/ Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

b/ Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết là cổ đông của công ty.



c/ Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty, không được là người có liên quan của Người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

## **2. Tiêu chuẩn và điều kiện bầu Thành viên Ban Kiểm soát:**

Thành viên đề cử hoặc tự ứng cử vào Ban Kiểm soát phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a/ Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

b/ Được đào tạo trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết là cổ đông của công ty. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số Kiểm soát viên, Trưởng Ban Kiểm soát có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành nghề đã nêu trên.

c/ Không phải là người quản lý công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc là người lao động của công ty.

d/ Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Người đại diện phả vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại công ty.

## **Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát:**

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên Hội đồng quản trị và một (01) ứng viên Ban Kiểm soát:

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 15% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai (02) ứng viên Hội đồng quản trị và hai (02) ứng viên Ban Kiểm soát:

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba (03) ứng viên Hội đồng quản trị và ba (03) ứng viên Ban Kiểm soát:

## **Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:**

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gồm:

1. Đơn xin ứng cử, đề cử hoặc Quyết định cấp có thẩm quyền cử tham gia vào Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

2. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;

3. Bản sao có công chứng:

- Giấy tờ pháp lý của cá nhân: Gồm một trong các loại giấy tờ sau (Chứng minh nhân dân; thẻ căn cước công dân, hộ chiếu)
  - Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn);
  - Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;
4. Giấy ủy quyền (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).

#### **Điều 6. Phương thức bầu cử:**

1. Việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức đơn phiếu.

2. Mỗi cổ đông tham dự được phát 01 phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị và 01 phiếu bầu Thành viên Ban Kiểm soát có ghi sẵn tên cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và tổng số phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát. Theo đó, tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần nắm giữ (Bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số lượng Thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được bầu.

3. Tổng số phiếu bầu được ghi sẵn trên từng loại phiếu bầu như sau:

- Tổng số phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị = Số cổ phần sở hữu x 3
- Tổng số phiếu bầu Thành viên Ban Kiểm soát = Số cổ phần sở hữu x 3

#### **Ghi chú:**

- Trường hợp cổ đông/Đại diện cổ đông muốn chỉnh sửa lại phiếu bầu do ghi nhầm, quý cổ đông vui lòng gạch chéo số phiếu bầu đã ghi nhầm và ghi lại số phiếu bầu mới ngay bên cạnh, ký tên. Không được tẩy xóa, bôi bẩn.

- Không bầu cho ứng viên phải ghi số (0) vào ô số quyền bầu của ứng viên.

5. Các trường hợp Phiếu bầu không hợp lệ:

- Là phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành, không đóng dấu của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho ứng viên của cổ đông vượt quá số quyền biểu quyết của cổ đông đó được sở hữu/được ủy quyền;



- Là phiếu không có chữ ký của người thực hiện quyền bầu cử;
- Phiếu để trống không bầu cho ứng viên.

**Điều 7. Ban kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu, trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu:**

1. Ban giám sát có trách nhiệm kiểm tra giám sát quá trình phát phiếu, bầu cử, bỏ phiếu, kiểm phiếu.

2. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn Quy chế bầu cử, phát phiếu bầu cử, kiểm tra giám sát việc bỏ phiếu, tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội, sau đó nộp biên bản cho chủ tọa Đại hội.

- Hỗ trợ cho Ban kiểm phiếu có một tổ kỹ thuật của Công ty do Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị.

3. Trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông dự Đại hội.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có lệnh của chủ tọa cuộc họp và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu thùng phiếu.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử và lập thành biên bản kiểm phiếu bầu cử. Biên bản kiểm phiếu bầu cử sẽ được các thành viên Ban kiểm phiếu ký để xác nhận tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu

**Điều 8: Nguyên tắc chọn người trúng cử:**

1. Việc chọn người trúng cử sẽ áp dụng theo nguyên tắc dựa vào tỉ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên Hội đồng quản trị cần bầu là 03 (ba) và 03 (ba) Thành viên Ban Kiểm soát.

2. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau đó, theo nguyên tắc chọn người trúng cử như trên.

**Điều 9. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu:**

- Trường Ban kiểm phiếu sẽ thay mặt Ban kiểm phiếu giải thích những thắc mắc của cổ đông (nếu có) về Quy chế bầu cử ngay tại Đại hội.

- Chủ tọa Đại hội sẽ giải quyết những khiếu nại về việc bầu cử và kết quả bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát ngay tại Đại hội.

- Tất cả các nội dung khiếu nại và được giải quyết được ghi vào biên bản cuộc họp.



**Điều 10. Điều khoản thi hành:**

Quy chế này gồm có 10 Điều và có hiệu lực kể từ khi có Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và là cơ sở pháp lý cho việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình năm 2021./.



Nguyễn Thái Linh



(Dự thảo sửa đổi Điều lệ: *Các đoạn, từ, cụm từ in nghiêng là sửa chữa, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành.

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3895/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Nghĩa Bình thành Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều lệ sửa đổi, bổ sung này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày ..... tháng 4 năm 2021.

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) "*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*" (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

c) "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) "*Công ty*" là Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

đ) "*Điều lệ*" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

e) "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 7 Điều lệ này;

g) "*Ngày thành lập Công ty*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

h) "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty;

i) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

k) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 5 Điều 3 Điều lệ này;

l) "Cổ phần": vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần;

m) "Cổ phần phổ thông" là một đơn vị vốn điều lệ của Công ty có mệnh giá là mười ngàn đồng (10.000 VND) và cho phép người nắm giữ có các quyền theo quy định của Điều lệ này;

n) "Cổ phần ưu đãi" là các loại cổ phần ưu đãi theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

o) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác

p) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

q) "Cổ phiếu" là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty;

r) "Địa bàn kinh doanh" là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài nơi Công ty được tiến hành các hoạt động kinh doanh hợp pháp.

s) Người có quan hệ gia đình: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng,

t) Bản sao: là giấy tờ được sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc đã được đối chiếu với bản chính.

u) Giấy tờ pháp lý của cá nhân là một trong loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân. Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

v) Giấy tờ pháp lý của tổ chức là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

## **Điều 2. Tên, địa chỉ, trụ sở chính**

1. Tên gọi đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

2. Tên gọi tắt: CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH (ĐSNB)

3. Tên giao dịch quốc tế: NGHIA BINH RAILWAY JOINT STOCK COMPANY

4. Tên công ty viết tắt: NBR,JSC

5. Trụ sở chính: số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Điện thoại: 0256.3822077 Fax: 0256.3817371



7. E-mail: duongsat.nghiabinh@gmail.com

8. Website: www.duongsatnghiabinh.vn

9. Biểu tượng (Logo):



### **Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân và thời hạn hoạt động của Công ty**

#### **1. Hình thức doanh nghiệp:**

- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ sang Công ty cổ phần do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối;

- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

#### **2. Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình có:**

a) Tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con và công ty liên kết trong phạm vi số vốn do Công ty đầu tư.

c) Quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.

**3. Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình có một (01) người đại diện theo pháp luật. Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.**

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu tại Khoản 3 Điều này.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 60 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

**Điều 4. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty:**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

a) Ngành, nghề kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì, xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi và nhà các loại; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.

b) Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất và khai thác đá, cát sỏi, cấu kiện bê tông, thép chuyên ngành, dụng cụ lao động, bảo hộ;

- Thí nghiệm, kiểm nghiệm, tư vấn.

c) Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật:

- Kinh doanh vận tải đường bộ; đại lý vé máy bay, ô tô, tàu hỏa;

- Đầu tư và kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch;

- Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa thể thao.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt	5221 (chính)
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Xây dựng nhà các loại	4100
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4290
5	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi	4329
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình giao thông, dân dụng	7110



7	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông	2395
8	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép	2511
9	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị, phụ kiện phục vụ ngành giao thông đường sắt và trang thiết bị, dụng cụ lao động	3290
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị, phụ kiện ngành giao thông đường sắt	4659
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán trang thiết bị, dụng cụ lao động và các sản phẩm từ đá	4669
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh bất động sản và cho thuê mặt bằng kho bãi	6810
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
14	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	5510
15	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế	7911
16	Điều hành tua du lịch	7912
17	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
18	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá	0810
19	Sản xuất sản phẩm từ khoáng chất phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ đá	2399
20	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu	7120
21	Hoạt động thể thao vui chơi giải trí: Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở thể thao: Sân bóng đá, tennis, cầu lông và các hoạt động thể thao khác	9311
22	Vận tải hành khách bằng đường bộ	4932
23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô, bãi để xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy	5221

24	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, ô tô, tàu lửa	5229
26	Các ngành kinh doanh khác theo quy định của pháp luật	
27	Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện: Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	

### 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo trạng thái kỹ thuật của cầu đường và an toàn giao thông đường sắt được Tổng công ty ĐSVN, tổ chức có thẩm quyền giao hoặc đặt hàng trong công tác bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;
- Hoàn thành mọi nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với Chiến lược phát triển chung của Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

## **CHƯƠNG II**

### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

#### **Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 18.060.000.000 đồng.

*(Bằng chữ: Mười tám tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).*

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.806.000 cổ phần.



*(Bằng chữ: Một triệu tám trăm lẻ sáu ngàn cổ phần)*

Với mệnh giá một cổ phần là mười nghìn đồng (10.000 VNĐ/01 CP).

Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm được hình thành vốn:

- a) Cổ phần Nhà nước nắm giữ 921.060 cổ phần, chiếm 51,0 % vốn điều lệ;
- b) Các cổ đông khác nắm giữ 884.940 cổ phần, chiếm 49,0 % vốn điều lệ;

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Việc tăng vốn điều lệ nêu trên phải được Đại diện chủ sở hữu phần vốn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty lập phương án, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành thêm các loại cổ phần (gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi) sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể bán số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã bán theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phiếu do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Trong quá trình hoạt động, phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty có thể tiếp tục được bán bớt nhằm giảm bớt phần vốn nhà nước trong Công ty tiến đến giữ tỷ lệ theo như Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt. Việc bán bớt phần vốn nêu trên phải được Đại diện chủ sở hữu phần vốn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty lập phương án, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu và Sổ đăng ký cổ đông**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ *hoại dưới hình thức khác*, người sở hữu cổ phiếu đó có thể *đề nghị* được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra, *thông tin*, bằng chứng về việc sở hữu cổ phần, *cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới* và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản *giấy*, tập dữ liệu điện tử *ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty*.

b) Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- Họ, tên, địa chỉ *liên lạc*, quốc tịch, số *giấy tờ pháp lý cá* đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số *giấy tờ pháp lý của tổ chức*, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

c) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc *các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông*. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép *tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông*.

d) Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ *liên lạc* thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ *liên lạc* của cổ đông.

*đ) Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty*

## **Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác**



Chúng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

### **Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần, thừa kế cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần trong Công ty đều được tự do chuyển nhượng trừ pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ phần ưu đãi của người lao động đã mua khi cam kết làm việc lâu dài cho Công ty trong thời hạn ít nhất là ba (03) năm (kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Trường hợp Công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì Công ty có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

4. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyên nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục *chuyển nhượng* được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.

6. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trong trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

9. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại điểm b khoản 5 Điều 8 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

10.. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.90

### **Điều 11. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp<sup>9</sup>. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại điểm b khoản 5 Điều 8 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

10.. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.90

### **Điều 11. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp yêu cầu của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan.

3. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ



trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

4. Trình tự thủ tục tiến hành việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty và việc thanh toán, xử lý các cổ phần mua lại thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 133, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan.

### **Điều 13. Trả cổ tức**

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam (VND) và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức; địa chỉ trụ sở chính cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124, 125 và của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

#### **Điều 14. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty hoặc trả cổ tức trái với Điều 13 Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

### **CHƯƠNG III**

#### **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

##### **Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty.

#### **Mục 1**

#### **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

##### **Điều 16. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu trong Công ty;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;



e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại các trường hợp nêu trên phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông**

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **Điều 18. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.



Đại hội đồng cổ đông được tổ chức họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội đồng cổ đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một phần ba (1/3) so với số đầu kỳ hoặc còn (2/3) so với số đầu kỳ;

c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại một (01) người;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

đ) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm

d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định *khoản 3 Điều 140* của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký doanh nghiệp giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:



- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
- *Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.*

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- k) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty (nếu có);
- l) Quyết định tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- m) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- n) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; Tổng số tiền thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Ban Kiểm soát;
- o) *Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;*
- p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong trường hợp sau đây:

- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên thị trường chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 20. Các đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự họp, uỷ quyền bằng văn bản cho đại diện của mình tham dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.

Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty phát hành và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Uỷ quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## **Điều 21. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ



đồng nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 23 và Điều 26 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

## **Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 18 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có *quyền dự họp* không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, *sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông* có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi *chậm nhất là 21* ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ

đồng, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. "Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do". Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này;

c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

### **Điều 23. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ để tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp và Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp hủy cuộc họp và thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi



trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai, và trong trường hợp này Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 24. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa *hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa* cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách *biểu quyết tán thành, không tán thành, và không có ý kiến*. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó *hoặc ngay trước khi bế mạc cuộc họp*;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ tọa cuộc họp có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp *tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp* hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây :

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Hàng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội cổ đông thường niên không được tổ chức bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 25. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua *nghị quyết* thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;

b) Định hướng phát triển Công ty; kế hoạch SXKD hàng năm, kế hoạch lợi nhuận, cổ tức được chia hàng năm;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty.



## **Điều 26. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty;
- e) Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện *trên năm mươi phần trăm (50%)* tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, và 3 Điều này;

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông *sở hữu trên 50%* tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty

## **Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) *Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;*

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo các nội dung hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) *Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;*

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.



Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) *Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.*

*Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.*

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

### **Điều 30. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **MỤC II**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 31. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05); thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử số lượng ứng viên Hội đồng quản trị, theo tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:



- a) Từ 10% đến dưới 15% được đề cử một (01) ứng viên;
- b) Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- c) Từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a) *Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm* Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- *Có đơn từ chức và được chấp thuận:*

- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

- Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

b) *Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:*

- *Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;*

- *Trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.*

5. *Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này*

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị chỉ còn một (01) người. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị chỉ còn một (01) người.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

### **Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. *Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.*

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty,

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty, của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

### **Điều 33. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty.

3. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh và ngân sách hằng năm của Công ty. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

i) Thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều



Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

o) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; tổ chức việc chi trả cổ tức;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

r) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;

s) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Công ty quy định.

### **Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông,

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành các biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất khả năng hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số thành viên giữ chức chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.



### **Điều 35. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp *Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác*, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 10 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **Điều 36. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định sau:

*Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.*

*Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.*

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.



3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

### MỤC III

## GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

### Điều 37. Giám đốc Công ty

1. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

*Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế.*

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Công ty:

a) *Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.*

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh

c) *Không được là người có quan hệ gia đình của của chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên của Công ty, của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*

4. Giám đốc Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty;

g) Tuyển dụng lao động theo phương án cơ cấu tổ chức, nhân sự đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

h) Ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

i) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng quản trị Công ty;

k) Kiến nghị phương án trả lương cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

### **Điều 38. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng**

1. Công ty có các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

2. Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty trong việc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công và uỷ quyền.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty, giúp Giám đốc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật.

4. Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc Kế toán trưởng là 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

### **Điều 39. Bộ máy giúp việc**

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất được quy định tại quyết định thành lập, quyết định giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty và theo quy chế quản lý nội bộ do Giám đốc Công ty xây dựng trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, Hội đồng quản trị Công ty ký quyết định ban hành.

3. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc Công ty có quyền đề nghị Hội đồng quản trị Công ty thay đổi cơ cấu, định biên, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sản xuất phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Điều 40. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng**



1. Công ty có quyền trả thù lao, *thưởng* cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, *thưởng* cho Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và *thưởng* của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương, thưởng của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 41. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về *nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp*.

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

#### **Điều 42. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty**

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trách nhiệm người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ này;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của tòa án, trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện

## MỤC IV BAN KIỂM SOÁT

### Điều 43. Ban Kiểm soát

1. Công ty có Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát phải có hai (02) thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát có Quyền hạn và nhiệm vụ:

- Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến các vấn đề quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Ban Kiểm soát;

- Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Kiểm soát;



- Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;

- Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;

- Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban Kiểm soát;

- Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

- Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét; đảm bảo việc có đủ thời gian trước và trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát để thảo luận và cân nhắc các vấn đề phức tạp hoặc gây tranh cãi;

- Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát;

- Thay mặt Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết;

- Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;

- Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử số lượng ứng viên Ban Kiểm soát, theo tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

a) Từ 10% đến dưới 15% được đề cử một (01) ứng viên;

b) Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

c) Từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 44. Tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên và miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty, không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người đại diện phần

vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và tại công ty;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

d) Được đào tạo trong các chuyên ngành kinh tế tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty”

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này.



6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 41 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

13. Ban Kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin, gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

b) Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

d) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

đ) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

#### **Điều 46. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên**

Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **Điều 47. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

### **CHƯƠNG IV**

#### **CON DẤU CÔNG TY, CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ LƯU GIỮ HỒ SƠ CÔNG TY**

##### **Điều 48. Con dấu của Công ty**

1. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật có liên quan. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

a) Tên doanh nghiệp;

b) Mã số doanh nghiệp.



2. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

#### **Điều 49. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty**

1. Công ty lưu giữ các tài liệu sau đây:

- a) Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông;
- b) Văn bản bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; giấy phép và giấy chứng nhận khác;
- c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
- d) *Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu*, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Công ty;
- đ) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
- e) Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;
- g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm.

2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính Công ty; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 50. Công khai thông tin Công ty**

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:

- a) Điều lệ Công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty;
- c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

4. Các thông tin được công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của Công ty gồm những thông tin sau đây:

- a) Thông tin cơ bản về Công ty và Điều lệ Công ty;
- b) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm;
- c) Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn không quá một trăm năm mươi (150) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
- d) Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính quý, giữa năm chưa kiểm toán hoặc đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố theo quy định của chế độ kế toán;
- đ) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm.
- e) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác;
- g) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức Công ty.

Báo cáo thực trạng quản trị Công ty bao gồm các thông tin sau đây:

- Thông tin về người quản lý Công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao, mức tiền lương, thưởng, cách thức trả tiền lương và các lợi ích khác; những người có liên quan và ích lợi có liên quan của họ với Công ty;
  - Các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
  - Thông tin về Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của họ;
  - Báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra (nếu có) và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
  - Thông tin về các bên có liên quan của Công ty, giao dịch của Công ty với bên có liên quan;
  - Các thông tin khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
- h) Thông tin được báo cáo và công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.
- i) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

#### 5. Công bố thông tin bất thường

Công ty công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của Công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn ba mươi sáu (36) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
- b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của Công ty;
- c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của Công ty ;



d) Thay đổi người quản lý Công ty, gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các cá nhân nêu tại Điểm d Khoản 5 Điều này;

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của Công ty;

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

h) Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

6. Trường hợp là công ty cổ phần đại chúng, ngoài nghĩa vụ công bố, công khai thông tin theo các quy định trên, Công ty phải thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

## CHƯƠNG V

### NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

#### Điều 51. Quan hệ lao động trong Công ty

1. Trong Công ty, Giám đốc Công ty là Người sử dụng lao động.

Quan hệ lao động giữa người lao động hoặc tập thể lao động với người sử dụng lao động được xác lập qua đối thoại, thương lượng, thoả thuận theo nguyên tắc tự nguyện, thiện chí, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.

Công ty cam kết bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động trong Công ty có các quyền sau đây:

a) Làm việc, tự do lựa chọn việc làm, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp và không bị phân biệt đối xử;

b) Hưởng lương phù hợp với trình độ kỹ năng nghề trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động; được trang cấp bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn lao động, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có lương và được hưởng phúc lợi tập thể;

c) Thành lập, gia nhập, hoạt động công đoàn, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia đối thoại với người sử dụng lao động, thực hiện quy chế dân chủ và được tham vấn tại nơi làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; tham gia quản lý theo Luật Lao động, Luật Công đoàn và nội quy của người sử dụng lao động;

d) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

d) Đình công.

3. Người lao động trong Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể;
- b) Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động, tuân theo sự điều hành hợp pháp của người sử dụng lao động;
- c) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về bảo hiểm y tế.

4. Người sử dụng lao động của Công ty có các quyền sau đây:

- a) Tuyển dụng, bố trí, điều hành lao động theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh; khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật lao động;
- b) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;
- c) Yêu cầu tập thể lao động đối thoại, thương lượng, ký kết thoả ước lao động tập thể; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, đình công; trao đổi với công đoàn về các vấn đề trong quan hệ lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động;

d) Đóng cửa tạm thời nơi làm việc.

5. Người sử dụng lao động của Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận khác với người lao động, tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động;
- b) Thiết lập cơ chế và thực hiện đối thoại với tập thể lao động tại Công ty và thực hiện nghiêm chỉnh quy chế dân chủ ở cơ sở;
- c) Lập sổ quản lý lao động, sổ lương và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;
- d) Khai trình việc sử dụng lao động trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bắt đầu hoạt động và định kỳ báo cáo tình hình thay đổi về lao động trong quá trình hoạt động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động ở địa phương;
- đ) Thực hiện các quy định khác của pháp luật về lao động, pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về bảo hiểm y tế.

## **Điều 52. Công đoàn Công ty**

1. Công đoàn Công ty thực hiện vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn, người lao động; tham gia, thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện thoả ước lao động tập thể, thang lương, bảng lương, định mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng, nội quy lao động, quy chế dân chủ ở nơi làm việc; tham gia, hỗ trợ giải quyết tranh chấp lao động; đối thoại, hợp tác với người sử dụng lao động xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ tại Công ty.

2. Trong quan hệ lao động, cán bộ công đoàn Công ty có quyền:

- a) Gặp người sử dụng lao động để đối thoại, trao đổi, thương lượng về những vấn đề lao động và sử dụng lao động;
- b) Đến các nơi làm việc để gặp gỡ người lao động trong phạm vi trách nhiệm mà mình đại diện;



c) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với tổ chức Công đoàn Công ty:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn;

- Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức công đoàn tuyên truyền, vận động phát triển đoàn viên, thành lập tổ chức Công đoàn, bố trí cán bộ công đoàn chuyên trách tại Công ty theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Bảo đảm các điều kiện để Công đoàn Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với Công đoàn Công ty xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ, quy chế phối hợp hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi bên;

- Tham khảo ý kiến Ban chấp hành Công đoàn Công ty trước khi ban hành các quy định có liên quan đến quyền, nghĩa vụ, chế độ chính sách đối với người lao động;

- Khi người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách đang trong nhiệm kỳ công đoàn mà hết hạn hợp đồng lao động thì được gia hạn hợp đồng lao động đã giao kết đến hết nhiệm kỳ;

- Khi người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, chuyển làm công việc khác, kỷ luật sa thải đối với người lao động là cán bộ công đoàn không chuyên trách thì phải thỏa thuận bằng văn bản với Ban chấp hành Công đoàn Công ty hoặc Ban chấp hành cấp trên trực tiếp của Công đoàn Công ty.

Trong trường hợp không thỏa thuận được, hai bên phải báo cáo với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Sau 30 ngày, kể từ ngày báo cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương biết, người sử dụng lao động mới có quyền quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Trường hợp không nhất trí với quyết định của người sử dụng lao động, Ban chấp hành Công đoàn Công ty và người lao động có quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động theo thủ tục, trình tự do pháp luật quy định.

4. Công đoàn Công ty được người sử dụng lao động bố trí nơi làm việc và được cung cấp thông tin, bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động công đoàn.

5. Cán bộ công đoàn không chuyên trách trong Công ty được sử dụng thời gian trong giờ làm việc để hoạt động công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn và được người sử dụng lao động trả lương.

6. Cán bộ công đoàn chuyên trách tại Công ty do Công đoàn trả lương, được người sử dụng lao động bảo đảm phúc lợi tập thể như người lao động làm việc trong Công ty theo thoả ước lao động tập thể hoặc quy chế của người sử dụng lao động.

## CHƯƠNG VI

### PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

#### Điều 53. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua mức cổ tức được chi trả cho cổ đông và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Một phần lợi nhuận sau thuế của Công ty có thể dùng để trích lập vào các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VII**

### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN**

#### **Điều 54. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 55. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên khi chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

#### **Điều 56. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

#### **Điều 57. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và Báo cáo thường niên**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định và trong thời hạn không quá chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty có niêm yết trên sàn chứng khoán) và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình



hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty có niêm yết trên sàn chứng khoán) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

6. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 58. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **CHƯƠNG VIII**

### **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY**

#### **Điều 59. Tổ chức lại Công ty**

1. Việc tổ chức lại, hình thức tổ chức lại Công ty do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định.

2. Khi tổ chức lại, Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật quy định.

#### **Điều 60. Chấm dứt hoạt động Công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty;

- b) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 61. Thanh lý Công ty**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập.

Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động trong Công ty;
- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay của Công ty (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

### **CHƯƠNG IX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY**

#### **Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty hoặc với người quản lý cao cấp khác trong Công ty.

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp trên nguyên tắc thương lượng, hoà giải và theo quy định của Điều lệ này.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng ba mươi (30) ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải



không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

### **Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **CHƯƠNG X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 64. Phạm vi thi hành**

1. Các cổ đông của Công ty và các tổ chức cá nhân có liên quan thuộc Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các nội quy, quy chế, quy định nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty ban hành phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

### **Điều 65. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 10 Chương 65 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Nghĩa Bình nhất trí thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2015 tại Trụ sở của Công ty cổ phần đường sắt Nghĩa Bình và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười lăm (15) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Một (01) bản nộp tại phòng công chứng Nhà nước tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

b) Năm (05) bản đăng ký tại Sở Kế hoạch Đầu tư - UBND tỉnh Bình Định;

c) Ba (03) bản nộp Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (là cổ đông tổ chức có vốn góp chi phối tại Công ty);

d) Sáu (06) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Điều lệ sửa đổi bổ sung này có hiệu lực kể từ lúc Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua ngày .... Tháng 4 năm 2021

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng quản trị Công ty.



## DỰ THẢO

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2021

### QUY CHẾ Hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình (sửa đổi) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày .../4/2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình số ... ngày .... tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình bao gồm các nội dung sau:

#### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định nguyên tắc, quyền hạn trách nhiệm và chế độ hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) và các thành viên HĐQT. Mối quan hệ giữa HĐQT với Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), mối quan hệ giữa HĐQT và Ban giám đốc, mối quan hệ giữa HĐQT với Ban kiểm soát (BKS) được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty.

##### Điều 2. Nguyên tắc làm việc của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, quyết định theo đa số bằng nghị quyết với sự điều phối của Chủ tịch HĐQT và đề cao trách nhiệm của mỗi thành viên HĐQT.

2. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty.

#### Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

##### Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

1. Quản trị Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, quy chế quản lý điều hành, quy chế tài chính và các quy chế nội bộ khác của công ty.



2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được nêu quy định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty.
3. Quyết định phương án đầu tư và thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.
4. Phê duyệt phương án triển khai thực hiện các dự án đầu tư của Công ty, bao gồm cả phương án thực hiện và kết quả của việc thực hiện mua sắm phục vụ cho việc triển khai này.
5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động cũng như những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ và vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Công ty.
6. Trình ĐHĐCĐ quyết định các nội dung quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Quyết định Kế hoạch sản xuất kinh doanh do Giám đốc đề nghị được ĐHĐCĐ thông qua.
8. Hợp đồng, giao dịch:
  - a) Thông qua các hợp đồng theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định tại Quy chế quản lý tài chính Công ty.
  - b) Giám sát việc thương thảo, ký kết hợp đồng để tránh hợp đồng bị vô hiệu gây thiệt hại cho Công ty.
  - c) Phê duyệt và ủy quyền tổ chức thực hiện các hợp đồng sản xuất kinh doanh do Giám đốc trình.
  - d) Phê duyệt kế hoạch tổng hợp hàng quý, năm của Công ty.
9. Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản cố định hàng năm hoặc bất thường phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do Giám đốc đề xuất.
10. Quyết định trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần đã được ĐHĐCĐ thông qua.
11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương cho Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty và các vị trí quan trọng khác (nếu có).
12. Cho ý kiến để Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ; Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh; Đội trưởng, Đội phó các đơn vị trực thuộc Công ty.
13. Quản lý các loại cổ phần phát hành, chào bán, huy động vốn thông qua việc phát hành cổ phần và các vấn đề liên quan tới cổ đông.
14. Quyết định cử Người đại diện quản lý phần vốn góp của công ty.
15. Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động kiểm tra và kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.
16. Quyết định phương án cơ cấu tổ chức, quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty theo đề nghị của Giám đốc công ty.
17. Ban hành quy chế tài chính của Công ty trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và Kế toán trưởng công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
18. Quyết định mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho từng thành viên HĐQT, BKS, trên cơ sở tổng mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi

ích khác đã được ĐHĐCĐ thông qua. Quyết định mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

19. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, xem xét sai phạm những người này gây thiệt hại cho Công ty và thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý và khắc phục.

#### **Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT**

Theo Điều 34 Điều lệ công ty, ngoài ra, Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Chủ tịch HĐQT của Công ty có thể ủy quyền một số quyền hạn và trách nhiệm cho Giám đốc theo văn bản ủy quyền.

2. Thay mặt HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ.

3. Triệu tập các cuộc họp HĐQT.

4. Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các phiên họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

5. Tổ chức thông qua quyết định của HĐQT dưới các hình thức khác.

6. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT

7. Lập chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT thực hiện việc quản trị hoạt động của Công ty.

8. Ký các văn bản nhân danh ĐHĐCĐ và HĐQT, các chứng từ giao dịch khác theo điều kiện liên quan tại Quy chế tài chính của Công ty.

9. Phê duyệt dự toán chi phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Công ty và các chi phí bất thường khác, bao gồm cả các chi phí bất thường trong lúc triển khai thực hiện dự án đầu tư do Giám đốc đề xuất.

10. Chủ tịch Hội đồng thanh lý tài sản; Chủ tịch Hội đồng giá;

11. Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, phụ trách chung hoạt động của HĐQT và trực tiếp phụ trách một hoặc một số mặt công tác để giải quyết những công việc khác đã được HĐQT giao quyền hoặc được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT.

12. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho một số thành viên khác trong HĐQT đảm nhiệm một hay một số công việc của mình.

13. Chủ tịch HĐQT có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về hoạt động của Công ty.

14. Chủ tịch HĐQT cho ý kiến để tuyển dụng thư ký công ty hoặc chỉ định thư ký công ty bán chuyên trách.

15. Chủ tịch HĐQT trực tiếp quản lý các loại cổ phần phát hành, chào bán, huy động vốn thông qua việc phát hành cổ phần và các vấn đề liên quan tới cổ đông.

#### **Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT**

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT

3. Tham gia dự thảo nội dung các cuộc họp của HĐQT để đưa ra thảo luận tại cuộc họp HĐQT.



4. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

5. Tham dự các phiên họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến của mình.

6. Thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

7. Các thành viên HĐQT có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, hồ sơ tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về các hoạt động của Công ty.

8. Chủ tịch và các thành viên khác trong HĐQT không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

#### **Điều 6. Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT**

1. HĐQT phân công, ủy quyền cho từng thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi, phụ trách một hoặc một số mặt công tác của Công ty. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của thành viên HĐQT về các mặt công tác được quy định trong các văn bản thuộc từng lĩnh vực hoạt động của Công ty. Trường hợp các nội dung công việc chưa được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn xử lý, thì thành viên HĐQT được phân công trực tiếp phụ trách có trách nhiệm phản ánh với Chủ tịch HĐQT để thống nhất hướng giải quyết.

2. Chủ tịch HĐQT trực tiếp phụ trách các mặt công tác không phân công cho các thành viên khác của HĐQT.

#### **Điều 7. Chương trình hoạt động của HĐQT**

1. Chương trình hoạt động của HĐQT được xây dựng theo hàng quý hoặc theo các kỳ họp HĐQT và hàng năm theo Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và yêu cầu công tác của Công ty.

2. Căn cứ vào Nghị quyết, Chương trình công tác của HĐQT và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên HĐQT phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

#### **Điều 8. Các cuộc họp của HĐQT**

1. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những việc đột xuất. Thủ tục các cuộc họp tuân theo Điều lệ Công ty.

2. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên HĐQT được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời gian không quá 07 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp HĐQT mà không đủ số thành viên tham dự, thì Chủ tịch HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên HĐQT.

3. Chủ tọa phiên họp HĐQT trình bày Báo cáo của Chủ tịch HĐQT, trong đó nêu rõ và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT

và các công việc khác do Chủ tịch HĐQT giải quyết giữa hai phiên họp HĐQT; đồng thời trình ra phiên họp các nội dung công việc để HĐQT xem xét, quyết định. Các thành viên HĐQT dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề do Chủ tịch HĐQT trình ra phiên họp. HĐQT thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

4. Thành viên HĐQT, nếu theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận (hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến) ký kết với Công ty, phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT. Tại đây, HĐQT sẽ xem xét có ký kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không; Trường hợp nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

5. Căn cứ vào biên bản họp HĐQT, Thư ký Công ty soạn thảo nghị quyết phiên họp gửi cho các thành viên HĐQT, Giám đốc và Ban Kiểm soát để thực hiện, giám sát, đồng thời lưu giữ tại bộ phận Thư ký và bộ phận văn thư Công ty.

#### **Điều 9. Lấy ý kiến thành viên HĐQT**

1. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT hoặc không có điều kiện để triệu tập họp, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản.

2. Việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT được thực hiện trong thời gian giữa hai phiên họp của HĐQT để thông qua quyết định về một hoặc một số vấn đề.

3. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng Phiếu lấy ý kiến. Thời hạn chậm nhất để trả lời Phiếu lấy ý kiến là 5 ngày, nếu trong Phiếu lấy ý kiến không có quy định khác.

4. Kết quả lấy ý kiến thành viên HĐQT được Thư ký Công ty tổng hợp thành Biên bản tổng hợp ý kiến của các thành viên HĐQT.

5. Quyết định được thông qua HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị tương đương với một quyết định được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập, nếu:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.

#### **Điều 10. Chế độ hội họp và đi công tác**

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tham gia các cuộc họp của các cơ quan, đơn vị theo giấy mời HĐQT hoặc mời đích danh Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể tham dự được, thì ủy quyền người khác đi họp thay, trừ trường hợp cơ quan mời họp không chấp nhận người thay thế.

2. Thành viên HĐQT đi công tác trong và ngoài Công ty phải có chương trình cụ thể được Chủ tịch HĐQT phê duyệt. Tùy theo tính chất và nội dung công việc Chủ tịch HĐQT có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên có liên quan cùng tham gia.



3. Chủ tịch HĐQT thông báo cho Giám đốc công ty biết thời gian và địa điểm đi công tác để Giám đốc Công ty liên hệ công việc khi cần thiết.

#### **Điều 11. Điều kiện và chi phí làm việc của thành viên HĐQT**

1. Phòng làm việc của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được đặt tại trụ sở Công ty. Điều kiện, phương tiện làm việc, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của các thành viên HĐQT được cấp sử dụng theo quy định của Công ty.

2. Chi phí hoạt động để phục vụ cho nhiệm vụ của các thành viên HĐQT do Chủ tịch HĐQT duyệt và được thanh toán vào chi phí của Công ty theo chứng từ, hóa đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính quy định của pháp luật và Công ty.

3. Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác của HĐQT được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

#### **Điều 12. Bộ máy giúp việc HĐQT**

1. HĐQT sử dụng bộ máy giúp việc và con dấu của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Phòng Tổ chức – Hành chính có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi, đến của HĐQT theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Công ty; chuyên và nhận tất cả công văn, tài liệu của HĐQT theo quy chế văn thư của Công ty.

3. Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan trong và ngoài ngành gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến thẩm quyền của HĐQT phải được gửi cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.

4. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số HĐQT và bản lưu tại văn thư phải được quản lý riêng, đồng thời phải có bản lưu tại Thư ký Công ty.

5. Thư ký công ty là bộ phận chuyên trách hoặc bán chuyên trách giúp việc cho HĐQT. Thư ký Công ty có nhiệm vụ, quyền hạn theo khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty, ngoài ra còn có nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng, theo dõi Chương trình hoạt động của HĐQT và lịch công tác của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT;

b) Cung cấp thông tin cho thành viên HĐQT. Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên HĐQT để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT; Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT;

c) Soạn thảo các văn bản, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT; Giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT triển khai, theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT;

d) Tổng hợp trình HĐQT và Chủ tịch HĐQT các đề nghị, văn bản, tài liệu do Giám đốc trình cũng như các văn bản của các cơ quan, đơn vị khác gửi đến HĐQT;

đ) Phối hợp với Văn thư lập Sổ theo dõi công văn đi, đến của HĐQT; Bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT; Cung cấp và thông



báo cho các đối tượng liên quan về các Nghị quyết, văn bản của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT theo quy định của Công ty;

e) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

g) Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc được giao;

h) Được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác (nếu có) như cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ Công ty.

i) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

### **Chương III PHÂN CẤP QUYỀN HẠN GIỮA HĐQT VÀ GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 13. Trong lĩnh vực huy động vốn**

Hội đồng quản trị có quyền:

1. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

2. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

3. Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp 2020.

#### **Điều 14. Trong lĩnh vực đầu tư ra ngoài Công ty**

1. Trong khuôn khổ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT quyết định việc góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty liên doanh, góp vốn tham gia hợp tác kinh doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty) theo đề nghị của Giám đốc có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả việc sử dụng các khoản vốn góp này ở từng đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty. Hàng quý, Giám đốc và người đại diện phần vốn góp của Công ty có trách nhiệm báo cáo HĐQT tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty.

#### **Điều 15. Trong lĩnh vực đầu tư tài sản cho Công ty**

1. HĐQT xem xét phê duyệt chủ trương các dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh của Công ty có tổng mức đầu tư có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

2. Đối với các dự án đã có trong kế hoạch kinh doanh của Công ty hoặc đã được HĐQT phê duyệt chủ trương, Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định:

a) Phê duyệt và ký toàn bộ các thủ tục đầu tư, bao gồm: Báo cáo đầu tư, kế hoạch đấu thầu/chào hàng/chào giá; thiết kế, dự toán, tổng dự toán; chi phí phát sinh;



quyết toán vốn đầu tư và các công việc khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư và đưa dự án vào sử dụng.

b) Phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án có giá trị phát sinh đến 10% ngân sách đầu tư đã được phê duyệt.

c) Tùy tình hình cụ thể HĐQT có thể ủy quyền cho Giám đốc phê duyệt phát sinh của các hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án.

d) Thực hiện theo các Điều liên quan của Quy chế quản lý tài chính.

#### **Điều 16. Trong lĩnh vực thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn**

HĐQT quyết định việc thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn, các tài sản cố định do HĐQT quyết định đầu tư.

#### **Điều 17. Trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự**

1. Về lĩnh vực tổ chức bộ máy:

a) HĐQT quyết định cơ cấu tổ chức, định biên, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty (bao gồm cơ cấu tổ chức các phòng, bộ phận của bộ máy điều hành); Quyết định việc thành lập, giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các đơn vị trực thuộc. Quyết định quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc. Quyết định biên các chức danh lãnh đạo của các phòng, bộ phận của bộ máy điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc; Quyết định kế hoạch quỹ lương, thù lao hàng năm của Công ty theo đề nghị của Giám đốc.

b) HĐQT quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty ở đơn vị liên kết của Công ty theo đề nghị của Giám đốc.

c) Giám đốc Công ty quyết định các chức danh quản lý khác trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT; Ký kết, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động trên cơ sở kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.

d) Giám đốc thực hiện việc khen thưởng, kỷ luật, sa thải người lao động phù hợp với quy định của luật lao động, Điều lệ và Nội quy lao động Công ty;

2. Về việc cử cán bộ đi công tác hoặc đào tạo ở nước ngoài:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận các cá nhân, các đoàn nước ngoài vào Việt Nam làm việc với Công ty theo đúng quy định của Công ty và pháp luật Việt Nam.

b) Chủ tịch HĐQT quyết định cử cán bộ, công nhân, người lao động (kể cả Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát) Công ty ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng.

#### **Điều 18. Về chi phí và giá thành**

Thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Công ty; Đồng thời luôn tìm biện pháp tiết kiệm chi phí để hạ giá thành trên cơ sở vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm, công trình và dịch vụ sản xuất kinh doanh.

#### **Điều 19. Về thực hiện trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý có thẩm quyền**

1. HĐQT báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về báo cáo tài chính hàng năm.



2. Giám đốc Công ty báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về:

a) Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở thực hiện các văn bản chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã được HĐQT phê duyệt;

b) Các báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Công ty.

d) Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý các loại sổ sách, chứng từ liên quan tới cổ đông. Lập báo cáo về quản lý cổ đông trình HĐQT định kỳ 6 tháng một lần hoặc theo yêu cầu đột xuất của HĐQT.

c) Giám đốc được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT.

#### **Điều 20. Về thực hiện quản lý văn bản**

1. Văn bản đi:

a) Chủ tịch HĐQT: Ký ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị; Các văn bản đối ngoại gửi các cơ quan ngoài công ty.

b) Giám đốc: Ký tất cả các loại văn bản ban hành trong nội bộ; Ký các văn bản đối ngoại gửi các cơ quan không thuộc thẩm quyền ký của Chủ tịch HĐQT.

2. Văn bản đến:

a) Văn bản gửi HĐQT: Chủ tịch HĐQT xử lý;

b) Văn bản gửi Công ty: Giám đốc xử lý; trường hợp văn bản cần xin ý kiến HĐQT thì Giám đốc trình Chủ tịch HĐQT xem xét cho ý kiến, Giám đốc căn cứ ý kiến để triển khai đến các đối tượng thực hiện.

3. Các Nghị quyết, quyết định, tài liệu có liên quan của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ([www. duongSATnghiabinh.vn](http://www.duongSATnghiabinh.vn)) theo đúng quy định của pháp luật.

### **Chương IV**

## **QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VÀ NGOÀI CÔNG TY**

#### **Điều 21. Nguyên tắc phối hợp giữa HĐQT và Giám đốc**

1. HĐQT và Giám đốc phải phối hợp hoạt động theo tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành của đơn vị; đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường sự hỗ trợ nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển của Công ty và theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua các quyết định hoặc nghị quyết và yêu cầu Giám đốc thực hiện. Trừ trường hợp khẩn cấp do yêu cầu của SXKD, Chủ tịch HĐQT sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được các tờ trình hoặc công văn đề nghị của Giám đốc. Đối với các vấn đề lớn cần họp HĐQT hoặc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, HĐQT sẽ xử



lý và trả lời chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc.

3. Các cuộc họp do các cơ quan liên quan, các đối tác, khách hàng... mời Công ty tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) có tính chất đặc biệt quan trọng, có liên quan đến đối mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Giám đốc thông báo cho Chủ tịch HĐQT biết để tham dự hoặc cho ý kiến trước khi cuộc họp diễn ra.

4. HĐQT quyết định các quy định, quy chế quản lý hoạt động của Công ty và tùy từng trường hợp cụ thể có thể ủy quyền cho Giám đốc một số quy định hoạt động nội bộ.

5. Trách nhiệm của Giám đốc trong quan hệ công việc với HĐQT:

a) Giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét và điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định (nếu cần). Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị.

b) Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT hoặc các thành viên HĐQT nếu xét thấy trái với pháp luật, trái với Điều lệ hoặc trái với quyết định ĐHĐCĐ; đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát; Giám đốc tự chịu trách nhiệm về những ý kiến của mình trước pháp luật và HĐQT đối với những vấn đề nói trên.

c) Các trách nhiệm khác của Giám đốc được nêu trong khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.

## **Điều 22. Quan hệ với Ban kiểm soát (BKS)**

1. HĐQT, Giám đốc tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

2. HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Công ty thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.

## **Điều 23. Quan hệ với bộ máy điều hành Công ty**

1. HĐQT không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Giám đốc Công ty; HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác... do Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt.

2. Nếu cần thiết, HĐQT có kế hoạch làm việc với các đơn vị thành viên của Công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.

**Điều 24. Quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty**

1. HĐQT phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của các tổ chức này tại Công ty.

2. HĐQT xem xét cho ý kiến về Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động để Giám đốc Công ty phối hợp với Công đoàn Công ty tổ chức ký ban hành.

**Điều 25. Quan hệ với cổ đông và cơ quan truyền thông báo chí**

1. HĐQT bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Công ty thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty, cung cấp những thông tin quan trọng về hoạt động của Công ty.

2. HĐQT có trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với các cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

4. Các ủy viên HĐQT không được tự ý thay mặt Công ty phát ngôn với các cơ quan truyền thông, báo chí, với cổ đông về các vấn đề liên quan đến Công ty. Ngoại trừ có các quy định khác. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc là người chịu trách nhiệm thay mặt Công ty phát ngôn chính thức với cơ quan truyền thông về các vấn đề liên quan của Công ty.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 26. Hiệu lực thi hành**

1. Những nội dung khác về chế độ làm việc của HĐQT, nếu chưa được đề cập trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của Công ty.

2. Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, các phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Quy chế này bao gồm 5 chương 26 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng 4 năm 2021./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thái Linh**



Bình Định, ngày tháng 4 năm 2021

## Dự thảo

### QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình (sửa đổi) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày ..../4/2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình số ... ngày .... tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình bao gồm các nội dung sau:

#### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.

Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.



## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông ;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

b) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 17 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

c) “Công ty” là Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

d) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của Công ty.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## **Chương II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 3. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt là:

a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty.

2. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông có yêu cầu.

3. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.



4. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Công ty niêm yết có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị Công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:

- a) Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ công ty quy định;
- b) Cổ đông được đối xử công bằng.

6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 4. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn**

Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của công ty và của các cổ đông khác. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Đại hội đồng cổ đông**

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty.

1. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên;

- Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

b) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp: Người triệu tập họp ĐHĐCĐ quy định tại điểm a khoản này phải thực hiện lập danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ: Người triệu tập họp ĐHĐCĐ quy định tại điểm a khoản này thực hiện thông báo thời hạn chốt danh sách cổ đông bằng hình thức gửi văn bản thông báo hoặc nghị quyết cho cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

đ) Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông: Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông quy



định tại khoản 2 và 3 Điều 22 Điều lệ Công ty. Các vấn đề kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều 22 Điều lệ Công ty.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền bằng văn bản cho đại diện của mình tham dự họp, được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

g) Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ bằng cách gửi lại phiếu đăng ký (theo đường gửi thư, fax) hoặc theo những phương thức khác do người triệu tập quy định.

h) Điều kiện tiến hành: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp không đủ điều kiện thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 23 Điều lệ Công ty.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty.

k) Cách thức bỏ phiếu: Bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

l) Cách thức kiểm phiếu: ĐHĐCĐ bầu Ban Kiểm phiếu để thực hiện kiểm phiếu.

m) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu phải thông báo kết quả kiểm phiếu ngay tại cuộc họp.

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 và Điều 29 Điều lệ Công ty.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo Điều 28 Điều lệ Công ty.

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Các nội dung thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ thông qua có thể được lấy ý kiến bằng văn bản, trừ các trường hợp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến: Hội đồng quản trị công ty hướng dẫn chi tiết khoản này

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết): Hội đồng quản trị công ty hướng dẫn chi tiết khoản này



**Chương III**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 6. Hội đồng quản trị**

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.

Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.

b) Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

c) Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.

d) Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm; Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

- Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông một khoảng thời gian hợp lý để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

- Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết: từ 10% đến dưới 15% được đề cử 01 thành viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử 02 thành viên; từ 30% trở lên được đề cử 03 thành viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức



Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị: Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo khoản 4, 5 và 6 Điều 31 Điều lệ Công ty.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty và theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị: Cổ đông, nhóm cổ đông đủ điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị có thể giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT theo quy định của Quy chế bầu cử.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu theo quy định của Điều lệ Công ty. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT do HĐQT quyết định khi có đơn từ chức của Chủ tịch HĐQT hoặc HĐQT có cơ sở xét thấy Chủ tịch HĐQT không còn đủ điều kiện, năng lực để điều hành hoạt động của HĐQT; việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT phải tổ chức lấy phiếu biểu quyết như khi bầu.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị: Thù lao, thưởng của thành viên HĐQT do HĐQT quyết định trên cơ sở tổng mức lương, thù lao, thưởng của HĐQT đã được ĐHCĐ phê duyệt. Các lợi ích khác thực hiện theo pháp luật và Điều lệ công ty.

#### 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị: Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo khoản 7 Điều 35 Điều lệ Công ty.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: Thực hiện theo khoản 8 Điều 35 Điều lệ Công ty.

e) Cách thức biểu quyết: Thực hiện theo khoản 9 Điều 35 Điều lệ Công ty.



g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo khoản 10 Điều 35 Điều lệ Công ty.

i) Biên bản họp Hội đồng quản trị: Được lập, lưu giữ và thông báo theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

#### **Điều 7. Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có)**

*Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, ví dụ: Tiểu ban chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban lương thưởng và các Tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.*

1. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm, chế độ của từng thành viên trong Tiểu ban.

2. Trường hợp công ty không thành lập các Tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên HĐQT phụ trách riêng về từng vấn đề như: lương thưởng, nhân sự v.v...

#### **Điều 8. Thư ký công ty**

*Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị có thể quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Công ty.*

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Thư ký công ty:

- Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

- Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

- Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

- Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

- Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Chương IV BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có vai trò trong việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành, để các hoạt động của Công ty được minh bạch vì lợi ích của các cổ đông và Công ty.



Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty.  
Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát (kiểm soát viên) theo quy định tại Điều 47 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 10. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty; thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát phải là cổ đông của công ty, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện như đề cử, ứng cử thành viên HĐQT quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát: Bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 44 Điều lệ Công ty.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện như thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT quy định tại điểm e khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

3. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 46 Điều lệ Công ty.

## **Chương V GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

#### **Điều 11. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc Công ty**

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty;



g) Tuyển dụng lao động theo phương án cơ cấu tổ chức, nhân sự đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

#### **Điều 12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Công ty**

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Công ty khi:

- Giám đốc công ty có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Giám đốc công ty không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Giám đốc công ty không còn đủ năng lực, điều kiện để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty, hoặc việc điều hành của Giám đốc làm thiệt hại Công ty mà HĐQT xét thấy cần phải miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng.

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Công ty thực hiện như đối với thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát. Ngoài ra, còn được thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định và thuận tiện cho việc giao dịch, hợp tác.

### **Chương VI NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY**

#### **Điều 13. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị những hợp đồng giữa công ty với chính thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường



hợp lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.

5. Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

6. Công ty quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá.
- Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật
- Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật.
- Tổ chức thực hiện.

#### **Điều 14. Giao dịch với người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.

#### **Điều 15. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty**

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của công ty.



## **Chương VII**

### **ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 16. Đào tạo về quản trị công ty**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Thư ký công ty cần tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị công ty do các cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo tập huấn liên quan đến quản trị công ty tổ chức.

## **Chương VIII**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH**

#### **Điều 17. Công bố thông tin thường xuyên**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin của Công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

#### **Điều 18. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty**

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm:

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- b) Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- c) Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có);
- d) Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty;
- e) Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;
- h) Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

#### **Điều 19. Tổ chức công bố thông tin**

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:



- a) Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn của pháp luật;
  - b) Đồng thời cử ít nhất một cán bộ về công bố thông tin.
2. Cán bộ công bố thông tin có thể là Thư ký công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
3. Cán bộ công bố thông tin phải là người:
- a) Có hiểu biết nhất định về kế toán, tài chính.
  - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
  - c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
  - d) Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Chương IX**

### **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 20. Báo cáo**

Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 21. Giám sát**

Công ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 22. Xử lý vi phạm**

Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này mà không công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại các điều 17, 18 và 20 Quy chế này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Chương X**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình bao gồm 10 chương 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng 4 năm 2021./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thái Linh



**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/12/2015; sửa đổi bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/4/2021;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số.....ngày.....tháng 4 năm 2021*

*Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đường sắt Nghĩa Bình.*

*Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình bao gồm các nội dung sau:*

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình bao gồm các quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và trách nhiệm của các bộ phận đối với Ban kiểm soát nhằm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Mọi hoạt động của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát, đơn vị và cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát phải tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế này.

**Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động**

1. Ban Kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty. Đảm bảo hoạt động bình thường, không gây cản trở đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của Ban Kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.



3. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và các cơ quan Nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban kiểm soát và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.

4. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân trong phạm vi công việc được phân công của từng thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo đầy đủ các công việc được phân công phụ trách.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Trong quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;
- b. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Công ty cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này.

## **CHƯƠNG II**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Công ty.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Hội đồng quản trị về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.

5. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

6. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1,2,3,4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

7. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.



## **Điều 5. Cơ cấu và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát.**

1. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Công ty nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và Cổ đông.

2. Ban kiểm soát có 3 thành viên. Trưởng ban kiểm soát phải là người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

5. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 05 năm. Thành viên của Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

6. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát bị giảm quá 1/3 theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Công ty phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định.

## **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát.**

Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ Công ty.

## **Điều 7. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát**

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến các vấn đề quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Ban Kiểm soát.

3. Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Kiểm soát.

4. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

5. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

6. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban Kiểm soát.



7. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát.

8. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét, đảm bảo việc có đủ thời gian trước và trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát để thảo luận và cân nhắc các vấn đề phức tạp hoặc gây tranh cãi.

9. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung của Ban Kiểm soát.

10. Thay mặt Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

11. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

12. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

13. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật.

#### **Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử số lượng ứng viên Ban kiểm soát theo tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

a) Từ 10% đến dưới 15% được đề cử một (01) ứng viên;

b) Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

c) Từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.



## **Điều 9. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

## **Điều 10. Miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Ban Kiểm soát**

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát và các quy định có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ Công ty.

## **Điều 11: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.



## **Điều 12: Thay thế thành viên Ban Kiểm soát**

1. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 10 Quy chế này, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát.

2. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng ban kiểm soát, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng ban kiểm soát thay thế.

3. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 10 Quy chế này, Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

## **CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

Theo Điều 45 Điều lệ công ty, ngoài ra còn có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Giám sát tình hình tài chính Công ty:

a. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại Công ty theo các nội dung sau:

- Hoạt động đầu tư tài sản tại Công ty;
- Việc huy động vốn và sử dụng vốn huy động, phát hành cổ phiếu;
- Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty bao gồm các hoạt động đầu tư vào các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bất động sản, chứng khoán (nếu có); hiệu quả việc đầu tư vốn ra ngoài Công ty;

- Việc quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ của Công ty, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty.

b. Giám sát bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

c. Giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty theo các nội dung:

- Hoạt động sản xuất, tiêu thụ, tồn kho sản phẩm, doanh thu hoạt động kinh doanh, dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác;
- Kết quả hoạt động kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản;
- Phân tích về lưu chuyển tiền tệ của Công ty;
- Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;
- Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập và sử dụng các quỹ.



d. Giám sát việc thực hiện các chính sách đối với người lao động trong Công ty, trong đó có các nội dung về chi phí tiền lương, thu nhập của người lao động,, người quản lý điều hành Công ty.

3. Kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 16 của Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

10. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

11. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

12. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

13. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.



#### **Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.**

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

3. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại.

#### **Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.**

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

2. Yêu cầu Trưởng ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.



3. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.

4. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

5. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.

6. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.

7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.

8. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

9. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật.

## **CHƯƠNG IV**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 17. Cuộc họp Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát họp ít nhất hai lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát đối với các nghị quyết của Ban Kiểm soát.

2. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và thành viên kiểm toán độc lập (nếu có) tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

3. Chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát là Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban Kiểm soát uỷ quyền bằng văn bản. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì các thành viên tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

#### **Điều 18. Hoạt động kiểm tra của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát hoạt động tài chính trong Công ty thông qua việc kiểm tra hoạt động quản lý và sử dụng nguồn vốn, hoạt động đầu tư, việc chấp hành chế độ hạch toán, quản lý tài sản Công ty, các hoạt động kinh doanh dịch vụ, kết quả kinh doanh....



2. Ban kiểm soát sử dụng bộ phận kế toán hoặc kiểm toán nội bộ (nếu có) của Công ty để thực hiện hoạt động kiểm tra.

3. Hình thức kiểm tra, giám sát:

- a. Kiểm tra, giám sát từ xa;
- b. Kiểm tra tại chỗ: định kỳ hoặc đột xuất;

4. Phương thức kiểm tra:

- a. Kiểm tra, giám sát sau: Dựa trên báo cáo của đơn vị;
- b. Tham gia đóng góp ý kiến về những quyết định, chủ trương, chính sách và việc ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 19. Đảm bảo vật chất**

1. Ban Kiểm soát được sử dụng máy móc, phương tiện vật chất kỹ thuật để thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra.

2. Phòng Tổ chức – Hành chính hoặc Thư ký Công ty (Văn phòng) có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Ban Kiểm soát và những khiếu nại của cổ đông đến Ban Kiểm soát một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác.

## **CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

#### **Điều 20. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.



### **Điều 21. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ Công ty.

### **Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải kê khai các lợi ích liên quan với Công ty, bao gồm:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ;

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

## **CHƯƠNG VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

1. Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

#### **Điều 24. Quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát quan hệ với HĐQT công ty theo Điều 22 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, ngoài ra còn:

1. Ban kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty cho Ban kiểm soát.

4. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

5. Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị theo quy định.

#### **Điều 25. Quan hệ làm việc với Giám đốc**

1. Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình làm việc với Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ phải giữ vững tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ trong khi thực thi nhiệm vụ của mình. Có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị theo quy định.

2. Giám đốc báo cáo việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo định kỳ gửi cho Ban kiểm soát.

#### **Điều 26. Quan hệ với cổ đông Công ty**

Ban kiểm soát với tư cách đại diện cổ đông thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính trong Công ty, do đó các thành viên Ban kiểm soát phải chấp hành nghiêm túc chế độ bảo mật thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến Hội đồng quản trị và cổ đông về hoạt động tài chính của Công ty thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông yêu cầu đối với Ban kiểm soát.

## **CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 27. Tổ chức thực hiện**

Quy chế này gồm 7 chương 28 điều có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm triển khai thực hiện. Các thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.



**Điều 28. Bổ sung, sửa đổi**

Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị bổ sung, sửa đổi được phản ánh trực tiếp cho Trưởng Ban Kiểm soát để trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét để điều chỉnh sửa đổi hoặc bổ sung cho phù hợp với thực tế.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

Số: 15 /TB-ĐSNB

Bình Định, ngày 15 tháng 3 năm 2021

## THÔNG BÁO

Về việc Đề cử nhân sự để bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình sẽ tiến hành bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát. Thực hiện luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình xin thông báo tới Quý cổ đông của Công ty về việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình như sau:

### 1. Số lượng bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát

Số lượng bầu Thành viên Hội đồng quản trị : 03 (ba) thành viên.

Số lượng bầu Thành viên Ban kiểm soát: 03 (ba) thành viên.

### 2. Điều kiện đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên Hội đồng quản trị và một (01) ứng viên Ban Kiểm soát;

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 15% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai (02) ứng viên Hội đồng quản trị và hai (02) ứng viên Ban Kiểm soát;

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba (03) ứng viên Hội đồng quản trị và ba (03) ứng viên Ban Kiểm soát;

### 3. Tiêu chuẩn của ứng viên đề cử Thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên được đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty, không được là người có liên quan của Người quản lý, có thẩm quyền bổ nhiệm: người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

### 4. Tiêu chuẩn của ứng cử viên đề cử Thành viên Ban kiểm soát



Thành viên đề cử hoặc tự ứng cử vào Ban Kiểm soát phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp
- Trình độ chuyên môn ở bậc đại học trở lên với các chuyên ngành về kinh tế, kế toán, tài chính, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.
- Không phải là người có quan hệ gia đình với Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty, không được là người có liên quan của Người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

- Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty, thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc là người lao động của Công ty.

**5. Hồ sơ tham gia đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát**

Đơn xin đề cử Thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát (theo mẫu);

Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);

Bản sao CMTND, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu Việt kiều, người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

*Hồ sơ đề cử xin gửi về Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình trước 15h00 ngày 09/4/2021 theo địa chỉ:*

*Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, Số 02 Phố Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;*

*Điện thoại: (0256) 3822077 Fax: (0256) 3817371*

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình sẽ tập hợp danh sách các cá nhân đủ điều kiện được đề cử đưa vào danh sách trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Xin trân trọng thông báo.



Nguyễn Thái Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ**

**THAM GIA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Tên tổ chức/cá nhân:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (*Bằng chữ:.....*)

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình cho tôi được đề cử:

1. Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Chuyên ngành:

Làm ứng cử viên tham gia vào Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được bầu cử trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14/4/2021.

2. Ông/Bà:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Chuyên ngành:

Làm ứng cử viên tham gia vào Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được bầu cử trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14/4/2021.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2021

**CỔ ĐÔNG**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ CỬ**

**THAM GIA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**

Hôm nay, ngày ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình cùng nhau nắm giữ ..... cổ phần, chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách đính kèm cùng nhất trí đề cử:

1. Ông(Bà) :

CMTND(Hộ chiếu) số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Chuyên ngành:

Làm ứng cử viên tham gia vào Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được bầu cử trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày \_\_\_/\_\_\_/2021.

2 Ông(Bà) :

CMTND(Hộ chiếu) số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Chuyên ngành:

Làm ứng cử viên tham gia vào Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được bầu cử trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày \_\_\_/\_\_\_/2021.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà): .....

CMTND số: ..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần (Bằng chữ:.....)

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc tham gia đề cử vào Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày ..... tháng ..... năm 2021

**ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú :**

- Chỉ có Cổ đông/Nhóm cổ đông đạt tỷ lệ tối thiểu 10% mới được đề cử theo quy định của Điều lệ công ty

- Đơn đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 15h00 ngày 09/4/2021 về địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH, Số 02Phố Đức Chính, Phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; Điện thoại: 0256 3822077; Fax: 0256 3817371

